

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2025/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 14 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp cho Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2043/TTr-SCT ngày 08/10/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp cho Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp cho Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 28 và khoản 1 Điều 30 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại (viết tắt là Nghị định số 146/2025/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Cấp phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng

hóa cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 và khoản 4 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

2. Cho phép gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương và khoản 5 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

3. Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 và khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP và Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

4. Cấp phép nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Phòng không nhân dân năm 2024 và khoản 1 Điều 30 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phân cấp theo Quyết định này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Trường hợp phát sinh phí, lệ phí (như phí cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa – C/O hoặc các loại phí, lệ phí khác theo quy định pháp luật), việc thu, nộp và quản lý thực hiện theo pháp luật về phí, lệ phí; kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách theo quy định.

Điều 3. Trách nhiệm Sở Công Thương

1. Thực hiện đúng các nội dung phân cấp quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

2. Duy trì điều kiện cấp theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm nguyên tắc về việc thu, nộp và quản lý thực hiện theo pháp luật về phí, lệ phí; kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách theo quy định.

4. Báo cáo định kỳ theo quý, năm hoặc báo cáo đột xuất về tình hình được phân cấp theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC, Bộ Tư pháp;
- TT.TU; TT.HĐND;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Yen.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thanh